

**Bản án số: 61/2023/DS-ST  
Ngày: 29 - 9 - 2023**

*V/v: “Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Phú Phước;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thanh Đức

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023, về việc: “Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐST-DS, ngày 28/8/2023, **Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:**

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị N, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận(có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận(có mặt)

2. Ông Phạm Lê B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Theo Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi thì bà Lê Thị Thêm bị cưỡng chế kê biên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, có diện tích 139m<sup>2</sup>, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 443707 được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 15/10/1998 cho hộ ông Phạm H, ông Phạm H là chồng bà T(chết ngày 24/01/2020). Quá trình thi hành án thì gặp khó khăn vướng

mắc bởi tài sản kê biên là quyền sử dụng đất đứng hộ ông Phạm H. Nay bà N khởi kiện yêu cầu “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” đối với diện tích đất 139m<sup>2</sup> và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền quyền sử dụng đất nêu trên; theo đó bà N yêu cầu xác định 139m<sup>2</sup> đất này chia làm 02 phần, ông H và bà T mỗi người 01 phần. Đối với căn nhà trên đất do ông H và bà T đóng góp, tạo lập khối tài sản này nên đề nghị Tòa án xác định căn nhà này chia làm 02 phần, ông H và bà T mỗi người 01 phần.

*Bị đơn bà Lê Thị T:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Lê B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến:*

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 443707 được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 15/10/1998 cho hộ ông Phạm H nên bà T được quyền sử dụng ¼ còn căn nhà là tài sản chung của ông H và bà T và đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho ông B

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm V trình bày*

Đất là tài sản chung của hộ gia đình nên chia đều 04 thành viên trong hộ, mỗi người ¼. Căn nhà cấp 4 có nguồn gốc do ông H và bà T xây năm 1999 nên chia 02 phần ông H và bà T mỗi người 01 phần.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, **người tham gia tố tụng** đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định 139m<sup>2</sup> đất là tài sản chung trong hộ gia đình của hộ ông H là 04 người, như vậy phần tài sản của mỗi người là 1/4. Đối với căn nhà cấp 4 thì chia làm 02 phần ông H và bà T mỗi người 01 phần. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo quy định tại Điều 27, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Lê B có đơn xin vắng mặt và bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với diện tích đất 139m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 443707 được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 15/10/1998 cho hộ ông Phạm H và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền 139m<sup>2</sup> đất nêu trên; Xét thấy: Quá trình thi hành án gặp khó khăn vướng mắc bởi tài sản kê biên là nhà đất đứng hộ ông Phạm H nên bà N yêu cầu xác định 139m<sup>2</sup> này chia làm 02 phần, bà T và ông H mỗi người được 01 phần. Đối với căn nhà trên đất do ông H và bà T đóng góp tạo lập khối tài sản này nên đề nghị Tòa án xác định căn nhà này chia làm 02 phần, ông H và bà T mỗi người được 01 phần.

Tại công văn số 1997/UBND-TNMT ngày 06/7/2023 của UBND thị xã La Gi phúc đáp cho Tòa án La Gi như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 443707 ngày 15/10/1998 là cấp cho hộ ông Phạm H. Tài liệu do Công an thị xã La Gi cung cấp thể hiện tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Phạm Hải vào năm 1998 thì hộ ông H có 04 thành viên, gồm: Chủ hộ ông Phạm H, bà Lê Thị T (vợ), ông Phạm V(con), ông Phạm Lê B(con).

Từ đó có cơ sở xác định phần tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung tương ứng mỗi người được hưởng 1/4 trong tổng số diện tích đất được cấp 139m<sup>2</sup>; Tòa án xác định bà T có 1/4 quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất 139m<sup>2</sup>

Đối với căn nhà cấp 4A do ông H và bà T tạo lập. Do đó, có cơ sở xác định 01 căn nhà cấp 4A gắn liền 139m<sup>2</sup> đất nêu trên được xác định thuộc quyền sở hữu của ông H bà T nên bà T được hưởng 1/2.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ:

- Điều 27, 35, 39, 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 74 Luật thi hành án dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

- Xác định bà Lê Thị T có 1/4 giá trị quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất 139m<sup>2</sup>, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 443707 được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 15/10/1998 cho hộ ông Phạm H.

- Xác định bà Lê Thị T có 1/2 căn nhà cấp 4A gắn liền diện tích đất 139m<sup>2</sup>, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 443707 được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 15/10/1998 cho hộ ông Phạm H.

2/ Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013118 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã La Gi.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Án có hiệu lực theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Đương sự;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Phú Phước**